NĂM THỨ NĂM Số 196 Thứ năm, 19 tháng Bảy 1945

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

MỤC LỤC Số 196

Một đoạn chuyện về mấy yếu nhân V. N. Q. D. Đ. — *Ngô-văn-Triện*
Đại nam dật sự (LXVI) — *Nguyễn văn Tố*
Bài văn tế cụ Sào-nam Phan-bội-Châu — *của Hoài-Nam*
Cải chính những chuyện sai nhầm về nhà cách mệnh... — *Trúc-Khê*
Góp vui — *Nguyễn-Phương*
Những ông nghè triều Lê (CXIII) — *Ứng-hòe*
Tam pháp ti — *Lê thọ Xuân*
Tây hứng — *Hoàng-Hạc*
Nạnh thực ca (IV) — *Nguyễn văn Tố*
Một án « Thông phỉ » (hết) — *Tiên Đàm*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55$00
Sáu tháng	30,00
Ba tháng	15,00
Một số	1,20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông kiều — Hải-dương

BẢ CÁO CẤN KÍP

Các ngài mua báo xin cho tiền trước.

Từ I-VII-1945 chỉ gửi báo cho những vị đã giả tiền rồi.

T. T.

LỊCH VIỆT NAM

có những ngày Lịch sử
Ai mua xin đặt tiền trước
In có hạn

giá 12$00

Long-Điền biên tập TRI-TÂN phát hành

Đã có bán :

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIÁ 3$60
thêm cước 0$70

TY XUẤT BẢN TRI-TÂN
95-97, Chanceaulme — HANOI

Một đoạn chuyện về mấy yếu nhân

VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG

NGÔ-VĂN-TRIỆN

SAU việc ám-sát Ba-Giang, V. N. Q. D. Đ. bắt đầu bị vỡ, sở Mật-thám Hà-nội lục tục đi khám nhà bắt người. Chúng khám một cái gác ở phố Hàng Bông, ngụ sở của một sảng viên tự là Kim-Phượng, bắt được ít giấy tờ bí mật, mấy chục bản điều-lệ in thạch và một gói sách cấm. Việc khám nhà này xảy ra vào buổi sớm chủ nhật 17-2-1929 trong khi Kim-Phượng về quê nhà ở Hoài-đức vắng, vì thế Kim-Phượng chưa bị bắt. Cũng ngày hôm ấy, Kim-Phượng ra Hà-nội, mới biết ngụ sở của mình bị lục soát và lấy đi mất những thứ quan hệ, bèn lại quay về quê dặn bảo người nhà để dự bị bước vào ngục đường. Một bạn đồng chí nghe tin về thăm, bảo :

— Anh cứ ở nhà, tự khắc chúng nó đem ô tô về đón, không cần ra Hà-nội.

Chúng nó đây là trỏ vào bọn viên chức của sở Mật-thám sang qua ngày 17 lại nốt ngày 18, Kim-Phượng vẫn chưa được chúng đem ô-tô về đón như nhời người bạn bảo, bởi chúng còn rình để bắt Kim-Phượng ở Hà-nội chứ chưa truy vấn đến quê nhà.

Tối ngày 18, chợt có một chàng thiếu niên tầm vóc bé nhỏ, đầu đội mũ trắng, mình bận áo the, tay dắt chiếc xe đạp, lù lù tiến vào sân nhà Kim-Phượng. Kim-Phượng chạy ra đón, thiếu niên cầm tay khẽ bảo :

— Anh mặc quần áo để đi với tôi, anh Học bảo thế.

— Đi ngay bây giờ? Kim-Phượng hỏi.

— Phải, ngay bây giờ, chàng thiếu niên đáp.

Kim-Phượng vội vào trong nhà mặc quần áo rồi dắt chiếc xe đạp của mình ra sân.

— Nào đi! chắc là anh Học ủy anh đưa tôi đi trốn có phải không? Ta đi về hướng nào bây giờ?

— Không, anh Học sai tôi về đón anh, sang Gia-lâm giao cho anh ấy, để anh ấy tự đưa anh đi.

— Đi đâu?

— Nào biết rõ.

Thiếu-niên ấy là ai? Chính là Ký con Đoàn trần Nghiệp, cũng tức là Doãn.

Hôm ấy là ngày mồng 9 tháng giêng âm lịch, đáng lẽ có giăng, nhưng phải hôm mây gió đầy giời nên đường đất tối đen như mực. Hai chàng thanh niên giong hai chiếc xe đạp, húc vào bóng tối đầy đặc mà đi về phía đông.

Đến Hà-nội, dưới bóng đèn sáng, Doãn bảo Kim Phượng.

— Anh có mũi sơn không?

— Có, để làm gì?

— Lấy ra ngậm vào miệng ấy để che bớt một phần bộ mặt.

Kim Phượng làm theo. Hai chiếc xe đạp vẫn bon bon chạy, qua thành Hà-nội, qua cầu sông cái, đưa hai chàng sang phố Gia-lâm.

Xe vừa xuống hết cái dốc dài, thì bên cạnh đường, đã có một chàng thanh-niên âu phục, tầm vóc dẫy đà, mình khoác ba đờ suy, đầu đội mũ đạ, đương đứng chờ ở đấy. Thanh-niên ấy, chính là Nguyễn thái Học.

Xe Doãn xuống trước. Doãn dỗ lại đứng nói chuyện với Học, xe Kim Phượng xuống sau, đi quá chỗ hai người đến mấy chục bước rồi mới hãm *phanh*. Kim-Phượng dùng dằng chưa đến chỗ hai người, liền đó Doãn đã đạp xe lại, giơ tay chào, rồi đi vòng sang dốc khác để lên cầu trở về Hà-nội.

***

Nguyễn thái-Học bảo bước đến chỗ Kim-Phượng rồi hai người đưa nhau vào thuê một cái buồng ở, nhà lữ quán, nằm ở ngã ba cuối cái dốc ấy trong buồng trọ, Học bảo Kim-Phượng

— Chúng nó khám soát mấy nhà, nghe như chỉ [illegible] ở [illegible] anh là chúng vớ được [illegible] giấy tờ quan hệ [illegible] đống những bản [illegible]

(Xem [illegible] 20)

Số 66 *Ủng-hộ* NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXXVI —. Lý Nhân-tông
(*bài nối*)

Hết việc văn võ quân dân, cấy cấy và đánh dẹp, đến việc công-tác: « tháng giêng năm mậu-ngọ 1078 đắp lại thành Thăng-long » (*Khâm-định Việt-sử* q. 3, tờ 40 b) « Tháng ba năm đinh-mão (1087) dựng bi-thư-các » (*Đại-Việt sử ký toàn thư*, q 3, tờ 11 b) « năm kỷ-tỵ 1089 đào sông Lãnh-kênh » (thuộc tỉnh Thái-nguyên, hiện nay không biết đích chỗ nào). (*Khâm-định Việt-sử*, q. 3, tờ 47 b). « năm canh-ngọ 1090 làm cung Hợp-Loan » *Khâm-định Việt-sử*, q 3, tờ 48 a). « Năm mậu-tý 1108 mùa xuân tháng hai đắp đê sông ở phường Cơ-xá » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 6 a). Cơ-xá trước thuộc huyện Thọ-xương, Hà-nội, nay là xã Phúc-xá (thuộc đại-lý Hà nội). « Mùa xuân năm kỷ-sửu 1109 đắp đài Động-tinh » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4 tờ 6 a). « Mùa đông năm canh-dần 1120 dựng đài Chúng tiên » (*Đại Việt sử-ký toàn thư*, q. 3 tờ 20 b). « Tháng mười một năm quý-mão 1123 dựng đài Tử-tiêu » (*Đại Việt sử ký, toàn-thư* q. 3, tờ 22 b). « Tháng mười năm giáp-thìn 1124 dựng đài Uất-la » (*Khâm-định V. s*, q. 4, tờ 12 b). vào khoảng tháng năm « năm ất-tỵ 1125 điện Sùng-dương làm xong, đặt tiệc ba ngày đêm » (*Khâm-định V. s.* q. 4, tờ 13 b).

Lý Nhân-tông là người sùng thượng Phật-giáo: « Năm 1086 dựng chùa Lãm-sơn ». « Tháng mười năm 1087, ngự tới chùa Lãm-sơn, ban yến các quần thần về ban đêm, lại ngự chế hai bài thơ *Lãm-sơn dạ yến* » (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, q. 3, tờ 11 b; xã Lãm-sơn thuộc huyện Quế-dương, tỉnh Bắc-ninh). « Tháng giêng năm sau (1088) phong cho tăng là Khô-đầu làm quốc-sư thường hỏ việc nước, cũng như Lê Đại-Hành đối với Ngô Khuông-Việt » (*Đại-Việt, sử-ký, toàn-thư*, q. 3. tờ 11 b 12 a). Cùng năm ấy (1088) « chọn những chùa trong nước làm ba hạng danh-lam: đại, trung, tiểu, lấy các quý-chức trong hàng văn kiêm cai: lúc ấy các chùa có ruộng, đứa ở và của kho » (*Đ. V s. k toàn-thư*, q. 3 tờ 12 a). « Tháng mười làm tháp ở chùa Lãm-sơn » (*Đ. V. s. k toàn thư*. q. 3, tờ 12 a). Đến « năm 1094, tháp ấy mới làm xong » (*Đ V. s. k. toàn thư*, q. 3, tờ 12 b).

« Năm 1101, trùng tu chùa Diên-hựu (tức là chùa Một-cột, ở thôn Thanh-bảo, huyện Vĩnh-thuận Hà-nội). Nguyên Lý Thái-tông dựng chùa này để cầu điềm thọ, đến năm 1101 trùng-tu, lại đúc chuông lớn, đúc xong đánh không kêu, đem vứt ra ruộng, ruộng ấy có nhiều rùa, nên người ta gọi là chuông quí ở đồng » (*Khâm-định Việt sử*, q. 4 tờ 3 a-b).

« Tháng chín năm ất-dậu (1105) dựng hai cái tháp Bạch-mã ở chùa Diên-hựu, ba cái tháp Thạch mã ở chùa Lãm-sơn » Lúc bấy giờ Lý Nhân-tông lại trùng-tu chùa Diên-hựu. Nơi cựu quán (quê quán cũ tức là châu Cổ-pháp), đào thêm một cái ao trong có đài hoa sen, gọi là Linh-chiểu trì, xung quanh ao xây hành lang vẽ ngoài hành-lang lại đào một cái ao nữa gọi là Bích-trì và bắc cầu để thông sang tháp ở trước sân, mỗi tháng mồng một, rằm và ngày tám tháng tư vua xa giá tới ngự rằm thiết những nghi-thức để kỳ-tộ (cầu cho ngôi nước trường thọ) và dục phật (tắm Phật), hằng năm cho là lệ thường » (*Đ V. s. k. toàn thư*, q. 3. tờ 15 a).

« Tháng giêng năm ất-vị (1115) lập ba hoàng-hậu, là: Lan-anh, Khâm-thiên, Chấn-bảo, và ba mươi sáu cung-nhân. Lúc bấy giờ Lý Nhân-tông gặp việc cần con nối, thường đặt đàn cầu-đảo, thái-hậu dựng hơn một trăm ngôi

(Xem tiếp trang 16)

Bài văn tế

CỤ SÀO NAM PHAN BỘI-CHÂU

của HOÀI-NAM tiên-sinh

Bài văn tế cụ Sào-nam này là tác-phẩm của một nhà túc nho miền Trung viết từ năm 1940 là năm cụ Phan mất. Tri-Tân vừa được bạn Hoàng Thiếu-Sơn sao gửi cho. Vậy xin lục đăng để cống hiến quốc dân

Nhân đọc văn tế cụ Phan, liên tưởng đến đôi câu đối của cụ Phan viếng Tôn Trung-Sơn, cũng xin lục đăng ra đây cho nhớ.

Bắc dĩ trị nhi loạn, Nam dĩ loạn nhi an, anh hùng thái tức.
Quân đương sinh nhi tử, ngã đương tử nhi sinh, tạo hóa hà tâm. (1)

L. T. S.

Tuồng thiên-diễn khắp năm châu rộn-rịp, bầy ngạc đua tranh ngoài bãi, sóng đào bể bạc hãy dương sôi; dấu địa-linh riêng một cõi êm-đềm, đàn chim hớn-hở trong lồng, chiếc tổ rừng Nam sao vội gãy.

Hồn Tổ-quốc bơ-vơ trong trời đất, đi nơi nào, về ở nơi nào; khí anh-hùng ẩn đúc giữa non sông, sống cũng vậy thác đành cũng vậy.

Nhớ lời xưa:

Khôn thuở nên ba; học ngày nên bảy.
Chí khí ngang tàng; thanh danh lừng lẫy
Tài thất-bộ nên tay đầu-xứ, kinh nghĩa giỏi, tài-phú giỏi mà sách văn càng giỏi giỏi, bút cử-nghiệp dầu làm lấy có, cũng nghìn hàng ngọc nhả châu phun; quyền tam-trường đáng mặt thủ-khoa, đệ nhất ưu, đệ tam ưu, mà phủ hạch lại ưu ưu, bước khoa đình dầu kể như không, cũng một tội rồng bay cá nhảy.

Gió mưa bốn bể, đôi mắt đăm đăm; non nước nghìn năm, một lòng cay cay.

Nền đô-hộ dựng nên miền Nam-phục, gươm bạch-xỉ đã mòn, ở hoàng-hoa muôn trụ, vận Hồng Lạc dương tồn truân-khiển, mưa cam quả khôn khép mặt trời lui; sóng duy-tân lan khắp cõi đông-cầu, sư Trung-hoa mới tỉnh, hùm Nhật-bản vừa reo, giống Tiên Rồng mải giấc say mê, khua mộc đạc phải kêu hồn nước dậy.

Vào Nam ra Bắc hết sức hô hào; đi ngược về xuôi, cùng đường chạy vạy.

Bạn đồng chí năm ba người nhóm họp, nào Kỳ-ngoại, nào Tây-hồ, nào Thái-sơn, Ngũ-hải, biết bao chuyện lâm-ly cảm khái, chữ tương-đồng cùng đá tạc, vàng ghi; khi trùng-dương nghìn muôn dặm sóng-phe, khi Xiêm-la, khi Nhật-bản, khi Thượng-hải. Hoành tán, biết bao phen đi-bà, gian-nan thân vô-định mặc bèo trôi nước chảy.

Nếp nhà xiêu cũng tiết sức duy-trì; chiếc thuyền rệp (2) vẫn ra công bát cạy.

Đi đón Đông-đô đặt con em du-học từ Trung-quốc sang Nhật. Nga, Anh, Đức tưởng được nhân tài đầy-đủ để phò-trì quốc-vận mai sau; hội Nghĩa-thương kêu dân nước hợp-quần, từ Nghệ-an vào Nam Nghĩa, Phú, Bình, mong cho kinh-tế dồi-dào, để tranh cạnh lợi quyền dầu đấy.

Sông eo có khúc, cái Dã tràng khôn xe vững trên bờ; bể lặn không dòng, đá Tinh-vệ luống quăng (3) hoài dưới đáy.

(Xem tiếp trang

1) *Bắc đương trị mà loạn, Nam đương loạn mà yên; anh hùng thái thở.*
Ông vẫn sống lại chết, tôi nên chết lại sống vì lòng nào.
2) *Dọng đàng trong: thuyền nhỏ.*
3) *Ném.*

Cải chính những chuyện sai nhầm về nhà cách mệnh

Hoàng Văn-Tùng

TRÚC-KHÊ

Gần đây, trên hai tờ báo Đông phát và Quốc-gia đều có bài nói về nhà cách mệnh Hoàng văn Tùng, mà cả hai tờ đều có những chỗ sai nhầm khá quan trọng, vậy xin viết mấy lời bày cải chính để cho được đúng với sự thực.

Cả hai tờ đều có những cái điểm nhầm giống nhau là:

1 bảo ông Hoàng Văn Tùng là phó trưởng ban ám sát của Việt Nam Quốc Dân đảng, giúp việc ông chánh trưởng ban là Ký Con,

2 bảo ông Hoàng văn Tùng tạ thế về năm Canh-ngọ 1930, do ông Đảng trưởng Nguyễn Thái Học bấy giờ cũng ở trong ngục đều đình vớ Hội đồng Đề-hình cử hai đảng viên là Phó đức Chính Lê văn Phúc được am xuống ngục để vào Thanh dưa đám

Sự thực thì không phải như vậy.

V. N Q D. Đ tan kỳ họp trung bộ (tức Trung ương đảng bộ đêm mồng một tháng giêng năm 1929 tại đảng sở ở một nhà cạnh trường Thể-dục tuyên bố thi-hành bản điều mới trong đó có nói về việc lập ban ám-sát, thì chính ông Hoàng văn Tùng được đảng ủy-nhiệm làm chức trưởng ban Ám-sát, chứ không phải là làm phó trưởng ban giúp ông Ký Con. Bấy giờ ông Ký Con còn là một cậu thư ký bé nhỏ, giúp việc ở khách sạn Việt Nam của đảng tại phố hàng Bông, bao nhiêu cái hùng-uy vĩ-lược của ông còn giấu giếm một cách kín đáo ở trong mình, nên chưa được anh em trong đảng biết đến mà cử vào cái trọng chức ấy; còn ông Tùng thì là một người ủy-mãnh cương-đ án, ai cũng biết cả. Ông Tùng người hơi thấp, mình khá đậm, đầu thường hủi trọc lối bàn trải, mắt nhỏ, miệng tròn, màu da đen xạm, tính nết cương quả. Năm 1928 và 1929, ông đều là ủy-viên tỉnh bộ Thanh-hóa, ra Hà nội sung vào Tổng bộ, mỗi khi Tổng bộ họp, ông thường được cử làm Giám-sát để giữ trật tự của buổi họp cho nghiêm. Ông lĩnh chức trưởng ban Ám-sát từ mồng 1 tháng giêng đến 17 tháng hai (1929) thì ông bị bắt cùng nhiều đảng viên khác. Trong khoảng ấy, hoặc giả ông có hoạt động về việc làm tiền cho đảng chăng, chứ việc ám sát thì thực chưa có việc gì cả. Việc giết chết Ba-gianh chính thuộc vào thời kỳ ấy, nhưng đó là việc làm của lao-động đoàn trong đảng do ông đ ản trưởng Nguyễn văn Viên chỉ huy. Sau việc giết Ba-Gianh, đảng bắt đầu vỡ, ông cùng bọn các ông Nguyễn Ngọc-Sơn, Nguyễn thế Nghiệp, Lê Văn-Phú bị bắt lớp đầu tiên giam vào ngục-thất Hỏa-lò. Vì bị chúng khảo đánh nhiều nên ông bị ốm, bệnh mỗi ngày một kịch. Ông thuộc vào lớp người án nặng, nên từ khi bị bắt, vẫn phải giam luôn ở sà lim, nhưng đến khoảng trung tuần tháng 6, vì ông ốm nhiều, nên tên Bích (Bride) là chủ tịch hội đồng đề-hình ký giấy đổi chỗ tạm cho ông sang buồng từ ngục tối ở giam các đảng-viên án-tình nặng ở một bậc. Buồng giam này rộng, đã có hai ba chục đồng chí bị giam ở đấy, thường cắt lượt nhau mà săn sóc đấm bóp cho ông. Chợt một buổi tối ông ngất lịm đi, anh em hốt hoảng người thì lay gọi ông, người thì đấm ức ngực thình thình để gọi người Giám-ngục. Bọn Pháp cho là trường các nhà cách-mệnh phá ngục chúng mang theo khí giới mà đổ xô đến. Khi đã biết rõ, chúng mở cửa vào, gọi sĩ dẫn tiêm thuốc ông Tùng lại hồi tỉnh. Sáng hôm sau chúng đem ông sang bệnh viện để

(Xem tiếp trang 16)

I. — Hai câu đối của Vua Duy-Tân

Bấy giờ đức Thiếu-quân Duy-Tân mới mười hai tuổi.

Một hôm nhà vua ngự yến ở Tòa Khâm. Có một ông cố đạo người Pháp cũng được dự. Ông cố này người đã có tuổi, thông thạo tiếng Việt-nam, thấy nhà vua tuy còn ít tuổi song có vẻ thông minh anh Tuấn, mới xin phép ra cho nhà vua một vế câu đối sau này :

Rút ruột ông vua (王) tam (三) phân thiên hạ.

Câu này có ý nhắc đến việc chính phủ thực dân Pháp chia nước ta ra làm ba kỳ.

Vua Duy-Tân ứng khẩu đối liền.

Chặt đầu thằng Tây (西), tứ (四) hải đại huynh.

Không biết quan khách hôm ấy nghĩ thế nào ?

Lại một buổi chiều, nhà Vua ngự thuyền câu cá trong hồ Tịnh Tâm chợt có con gió, thuyền bị ngược chèo. Nhà vua tức cảnh

Ngồi trên nước, khôn toan vì nước ; chợt buông câu đã lấy phải lần.

Đọc xong ngài quay lại bảo vị quan theo hầu : ngươi cầm lá thủ tướng Nguyễn-hữu-Bài « Thầy đối đi »

Vị quan kia vâng lệnh, đọc :

Ngẫm việc đời mà ngán cho đời ; liều nhắm mắt đến đâu hay đó.

Vua Duy Tân cười mà bạn quở « Thầy chỉ đối liều ».

***

II. — Một chuyện về quốc kỳ Việt Nam

Ta có thể nói được rằng nước Tầu, trước là cờ « ngũ tộc cộng hòa » của Tôn-Dật-Tiên, chưa có quốc kỳ. Vì lá cờ « vàng thêu rồng » vẽ rong các quyền lị hồi trước hồi cả hiệu mà gọi là quốc kỳ của Tầu, chỉ là lá cờ của Hoàng Đế nhà Thanh. Màu vàng và rồng là biểu hiệu đế vương của các nước phương Đông.

Nước Việt ta cũng thế. Đời trước, nhà vua cũng dùng cờ màu vàng, thêu long, thêu phụng. Thế thôi, chứ quốc kỳ thì thực quả trước đây ta không có.

Ta không có quốc kỳ mà trước đây sáu mươi năm, đã có một lá cờ xuất hiện trên một chiến hạm Pháp lúc cập bến Djibouti, mà người ta đã bắn 21 phát súng chào cờ đó là lá quốc kỳ của Việt nam.

Hồi ấy Vua ta phái sứ-bộ sang Pháp. Chánh sứ là cụ Phan Thanh Giản, phó sứ là cụ Phạm Phú Thứ (nếu ký giả không nhầm). Sứ bộ Việt nam đáp một chiếc chiến hạm của Pháp.

Khi đến bến Djibouti, cụ Phan nghe thấy trên bờ bắn súng thần công, tiếng một. Cụ không hiểu việc gì, bèn thông ngôn (người đó là Cụ Trương Vĩnh Ký) hỏi bạm trưởng thì vị này giả nhời :

— Đấy là quan cai trị trên bờ cho bắn súng chào mừng sứ bộ Việt nam đó.

— Thế muốn đáp lễ thì giờ phải làm thế nào ?

— Ngài đưa quốc kỳ Việt-nam, tôi cho thủy-thủ kéo lên kỳ đài.

Cụ chánh sứ trong bụng lo ngại quay sang bảo cụ Phó :

— Ta lấy đâu ra quốc kỳ bây giờ ?

— Ngài không ngại, tôi đã có đây.

Tức thì cụ phó chạy đi mở hòm đưa ra một lá cờ bằng lụa, trắng vàng, xanh, đỏ, rực rỡ, chung quanh có viền đuôi nheo. Lá cờ ấy được kéo lên kỳ đài và bấy giờ người Tây Phương được thán thưởng một lá quốc kỳ đẹp đẽ, huy hoàng, của một nước đông phương đang tung hoành rẽ gió tiêu vào bờ.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Dương

2$10 một vé

NHỮNG ÔNG NGHE TRIỀU LÊ

Số 113

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Minh-đức tam niên, kỷ - sửu khoa tiến sĩ đề danh ký.

« Bài văn bia khắc tên các ông tiến-sĩ khoa kỷ sửu 1529 là năm thứ ba hiệu Minh-đức » (của Mạc Đăng-Dung):

Năm kỷ - sửu hiệu Minh - đức Hoàng-thượng lên ngôi báu được ba năm là buổi văn minh dầu tiên trong trời đất, vừa gặp năm đại-kỳ (kỳ thi), học trò hát thơ *Lộc minh*. Hôm yết bảng những người đỗ tài hương, có lệ quan chủ khảo và các quan đồng-khảo cùng hương công-sĩ được ăn yến, gọi là yến Lộc minh, do tục đời Đường, khi ban yến các hương-công dùng thiêu-lao (thịt bò), hát thơ *Lộc-minh*: Hát thơ *Lộc-minh* tức là đã đỗ hương-công, tới thi, nhiều đến hơn bốn nghìn người, đua tài nghệ ở xuân-vi (thi hội) chọn người tài giỏi, được hai mươi bảy người.

Ngày mười tám tháng hai, Hoàng thượng ở triều, thân ra tiếp bộ, hỏi về việc trị thiên-hạ. Sai quan đề đốc Nhà thái-bảo Diễm-quốc-công Mạc-Kính Điển, Binh-bộ thượng-thư kiêm Nhà bảo Mạc Minh Giản các quan, mỗi người mỗi việc. Sáng hôm sau, quan đọc ý yến là: Lễ-bộ thượng-thư đông-các đại học-sĩ Văn-đàm-bá Nguyễn-Thanh, và Lại-bộ thượng-thư, quốc tử-giám tế-tửu Bình-lễ bá Đinh-Chân, phụng quyền tiến đọc, dâng lên Ngự-lãm, để định cao thấp, cho bọn Đỗ-Tống ba người đỗ tiến sĩ cập-đệ, bọn Nguyễn-văn Quang tám người đỗ tiến-sĩ xuất-thân, bọn Nguyễn-hữu-Hoán mười sáu người đỗ đồng tiến-sĩ xuất-thân.

Ngày hai mươi bốn, Hoàng-thượng ngự điện Kính-thiên, sai truyền loa xương tên, quan bộ Lại vâng ban ân-mạng, quan bộ Lễ bảng bảng vàng yết ở cửa nhà Thái-học. Ngày hôm ấy lại ban cho tiền có thứ tự.

Đến ngày hai mươi bảy, ban cho mũ áo xiêm, hơn lệ thường.

Ngày hai ám ban yến ở bộ Lễ.

Mồng bảy tháng ba, cho vinh quy, ban tiền có thứ tự.

Thế là ân rất nhiều, chào Lại sai quan bộ công khắc bia, tự-thân soạn văn bia. Chúng tôi kính vâng mệnh sáng, mừng thay cho tư-vaw, xin kính-cẩn chắp tay cúi đầu mà dâng lời rằng: Khi chân-nguyên hội hợp thì hào kiệt trong hiền-hạ sinh ra, thánh chúa lên, thì hào kiệt trong thiên hạ gặp thời dùng. Hội Minh-lương, cơ cảm ứng, không phải ngẫu nhiên, nhưng kẻ sĩ hào kiệt, do khoa mục tiến thân. Xét từ đời Hữu-Ngu, mở cửa hỏi hiền sĩ bốn phương, thì cái mỹ-ý khoa mục, bấy giờ mới bắt đầu. Đời Thành-Chu hưng khởi người tài năng, tiến dùng kẻ tạo sĩ, thì cái phép hay về khoa mục, bấy giờ mới mầm mống. Xuống đến Hán Đường Tống, và nước Việt ta nhưng bậc anh quân đời nào cũng có, đều lấy việc khoa mục làm cái thang để tiến dùng hào kiệt. Đến đức thiên-tử Thánh-triều ta, lấy thiên tư hơn đời vỗ yên vận tới chính võ công mà yên thiên hạ, ra văn giáo mà luyện nhân tài, sửa học hiệu để rộng cái đức hóa hàm dưỡng lâu dụ, ban học qui để cho cả cơ cơ võ chấn tác được mau chóng, nhân vận sửa sang khoa mục đổi mới; phàm điều lệ về phép thi, ân-vinh, lần lượt, so với đời trước, rõ ràng kỹ lưỡng. Học trò gặp đời Thánh-minh, được thấm nhuần đức hóa tốt, vào bánh xe anh hùng, lên con đường vinh hiển, lại được đem họ tên khắc vào đá tốt, thì chẳng vinh hạnh lắm ru! Nên bội phục bậc lớn tốn lòng thực tiễn, lấy trung trực hành hiền làm việc thiết thân, lấy lễ

nghĩa để phòng nhân, tâm thuật chính - đáng, chẳng lệch chẳng thiên, làm ra sự nghiệp, rất lớn rất lâu. Như Lã văn Dương, giữ gìn chính đạo, mà giúp cho nghiệp được thái bình thịnh trị như Hàn Ngụy công, rủ bốt tấn - thân, mà làm cho thiên hạ được yên như Thái sơn, khiến người khen rằng : « Thật là trạng nguyên, thật là tiến sĩ », trên không phụ lòng thiên tử đặt khoa thi, dưới không phụ sức học bình sinh. Mà các công nghiệp lẫy lừng rực rỡ dạng vẻ đến cả tấm đá này. Nếu ngoài vuông mà trong tròn, trước trình mà sau nhàm, sở kiến không kịp sở văn, sở hành không như sở học thì chỉ làm lụy cho khoa mục, mà làm cho tấm đá này thêm vết, há chẳng sợ thay ! Than ôi ! lẽ trời ở lòng người, hình ra thì rõ rệt ; thánh hóa để dạy người, lâu thì thấy nhiệm mầu. Tấm đá này dựng ở nơi thái bộ, không những là tỏ lòng thành Thánh thượng trọng nho, và ý tốt buổi quốc sơ trọng văn mà thôi, sẽ cổ võ nhân tâm bồi dưỡng sĩ khí mà vun giồng thế giáo, mãi vô cùng. Ngày sau những bọ trò mũ chương áo, dịch, mắt trông dấy miệng đọc đấy, ai là chẳng cảm kích hưng khởi, lấy khôn mọc mà kỳ vọng cho mình, tự mình đặt vào địa vị trí quân-trạch dân, cùng kế tiếp mà ra để giúp cho nước nhà được thái bình thịnh trị ức muôn năm, bồi đắp cho nền xã nền tắc được lâu dài ức muôn năm. Thế thì tấm đá này dựng lên công dụng há chẳng lớn lắm thay !

Chức đồng đức công thần, đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ thượng thư, thái tử thái bảo Công quận công thượng trụ quốc (không rõ tên).

Chức phụng trực đại phu, đông các hiệu thư tư chính thượng khanh thần là Ngụ ẩn cư Nhân công phụng sắc soạn.

Chức thông chương đại phu, rung thư giám chính tự thần là Nguyễn hữu Chiêu phụng sắc thư.

Chức thông chương đại phu, kim quang môn đãi chiếu, tư chính khanh, thần là Ngô Tấn phụng sắc triện.

Dựng vào tiết trường chí (tức đông chí) thạng trọng đông (tức tháng mười một).

Năm thứ ba niên hiệu Minh đức : (1529) thu tuế ở đỗ đan (dậu) ngày kỉ mão (nhượng gửu).

(Còn nữa)

Duy-Hoè NG-VĂN-TỐ

Tùy hứng

SAY

tặng bạn Lê hoài Viễn

Tửu lượng tôi có bao !
Quá chén vì bạn hào.
Bình sinh chí chưa toại,
Võ kiếm hát nghêu ngao,
Người xưa thường ngông thế,
Ta nay nghĩ thế nào ?
Ngũ Viên gặp vận bĩ,
Chợ Ngô bước lao đao,
Hàn Tín trên sông Hoài
Bụng đói chân thấp cao.
Nhìn quanh nơi ta ở,
Cuộc đời này ra sao ?
Năm châu mờ khói lửa,
Bốn bể rộn binh đao.
Anh-hùng đua một hội,
Rồi cũng giấc chiêm bao !

Bạn chẳng thấy :

Lác-đác hạt mưa rào,
Ngồi nhìn đĩa dầu hao,
Trăm năm tưởng thân thế,
Lòng những thấy nao nao,
Những đêm trường mờ-mịt,
Trận gió thoảng qua phào.
Rượu tỉnh mê chưa tỉnh,
Cao rộng một giời sao.

HOÀNG - HẠC

Đêm 30 tháng năm, Ất-Dậu

TAM-PHÁP-TI

LÊ-THỌ-XUÂN

NGHE thuật chuyện Tuỉ-khoa Nghĩa vì bính vực lẽ phải mà bị kết án tử-hình, ắt bạn có khen chăng bà vợ ấy to gan, dám ra tận Kinh-thành « kích cổ đăng văn » (1) mong được sự thân-oan của Thiên-tử? Đó là bà Tuỉ-khoa đã lăn xả vào đánh trống *Đăng-văn* ở bên tòa Tam-Pháp

Đọc truyện « Gà Ba-tri », các bạn có phục chăng ba ông già ở Ba-tri (Bến-tre) vì bất bình quan lại, trèo non lội suối, đến trước Đơn-đình để khiếu-nại? Đó là ba ông đầu đơn tại Tam-pháp-Ti, chớ không phải đến chỗ *Đăng-văn* mà kích cổ.

Gặp những chuyện như trên, các bạn có muốn biết chăng cái *Tam-Pháp-Ti* và cái *Đăng-văn-cổ* đó?

Muốn biết, mời các bạn đọc bài « *Le Tam Pháp* » của ông Sogny đăng trong tập kỷ-yếu của hội Đô-thành hiếu cổ (Association des Amis du Vieux Hué), năm 1943, số 4, trang 407-409. Trong bài ấy, tác-giả đã nói rành-rẽ cách tổ-chức, cách làm việc của ti Tam-Pháp. Tác-giả lại nói ti nầy đặt ra trong thời Minh-mạng, nhưng không rõ về khoảng nào.

Tôi may được thấy sách nói về việc « khai-sanh ti Tam-Pháp », vậy xin chép trình các bạn.

***

Một hôm, vua Minh-mạng phán dạy quần thần rằng: « Từ trước tới nay, mỗi khi có việc đình-nghị thì các quan nhóm tại Tả-vu, Hữu-vu (3) của điện Cần-chánh mà bàn-bạc; còn các việc khác thì đem bàn ở « nhà đợi giờ » bên tả (Tả Đãi-lậu-viện). Mỗi vị quan có quyền dự bàn chỉ được đem theo một người thuộc-viên; những người khác và bọn công-bộc đều không được vào.

Kẻ đó đình-thần nghĩ rằng nhơn dân có việc khống-tố thì phải đặt pháp-quan để suy lý xét định mà xử đoán cho được công bình. Vậy xin phỏng điển-lệ của Bắc-triều (4) lấy nhơn viên trong ba nha Hình-bộ, Đô sát-viện và Đại-lý-tự làm một sở riêng và gọi là TAM-PHÁP-TI.

Cách quan lại xin chọn khoảnh đất ở góc đông-nam trong Kinh-thành, về phía đài Nam xương (5) mà cất một tòa nhà ba gian hai chái, dựng mặt về hướng bắc. Ba phía tả, hữu, trước thì xây tường cao ở mặt quan đến chầu và cùng nhau bàn-bạc việc nước, các khanh nên xem xét điển xưa lệ cũ rồi châm-chước cải định chỗ nào việc ấy cho phân-minh; có vậy thì mới hợp thể thống chốn Triều-đình ».

Trước hết, đình-thần nghị như thế nầy:

Triều-đình là chỗ ban chánh-lịnh, cốt phải làm cho đồng nhất sự nghe thấy của thần-dân mà làm kiểu-mẫu cho cả nước. Nay đã đặt là *Triều-đường* mà còn phân gọi *Tả, Hữu* thì nghe không được nhã, vậy xin đổi tên hai nhà *Tả-triều đường* và *Hữu-triều-đường* làm *Tả Đãi-lậu-viện* và *Hữu Đãi-lậu viện* (2). Phàm khi gặp ngày triều-hạ, các quan văn võ phân ban chia thứ đều nhóm ở đó. Như có việc cơ yếu cần mật mà Nhà Vua giao cho đình-thần nghĩ nghị thì các quan tựu tại Tả-vu, Hữu-vu (3) của điện Cần-chánh mà bàn-bạc; còn các việc khác thì đem bàn ở « nhà đợi giờ » bên tả (Tả Đãi-lậu-viện). Mỗi vị quan có quyền dự bàn chỉ được đem theo một người thuộc-viên; những người khác và bọn công-bộc đều không được vào.

Kẻ đó đình-thần nghĩ rằng nhơn dân có việc khống-tố thì phải đặt pháp-quan để suy lý xét định mà xử đoán cho được công bình. Vậy xin phỏng điển-lệ của Bắc-triều (4) lấy nhơn viên trong ba nha Hình-bộ, Đô sát-viện và Đại-lý-tự làm một sở riêng và gọi là TAM-PHÁP-TI.

Cách quan lại xin chọn khoảnh đất ở góc đông-nam trong Kinh-thành, về phía đài Nam xương (5) mà cất một tòa nhà ba gian hai chái, dựng mặt về hướng bắc. Ba phía tả, hữu, trước thì xây tường cao ở mặt tiền thì có biển đề ba chữ « *Công-Chánh-Đường* ». Đàng trước mà ở về bên tả thì treo một cái trống, đặt tên là « *trống Đăng-văn* » (Đăng-văn-cổ). Trống nầy mỗi lần đánh là vua biết có việc khẩn-cấp; vậy nên, trong chốn Kinh-thành, trừ trống canh và trống cầu đánh có giờ nhứt định và đánh theo thể-lệ riêng, các thứ trống khác đều bị cấm ngặt, bởi e vua lầm tưởng là tiếng trống *Đăng-văn* mà thánh-tâm phải xao động

Đình-thần lại nghĩ đến ấn, kiếm và định rõ ngày giờ làm việc.

Những viên quan đến làm việc tại Ti Tam-Pháp không thể dùng ấn, kiếm của nha riêng mình. Vì vậy tại đây có ấn bạc, kiếm ngà trên khắc ba chữ « *Tam Pháp Ti* » theo lối triện. Mỗi khi dùng xong thì kiếm, ấn nầy do Đô sát-viện và Đại-lý-tự cùng đóng niêm rồi giao cho Hình bộ cất giữ.

Vì các quan ở ti nầy đều có công việc khác phải lo hoặc ở Hình-bộ-đường, hoặc ở Đô-sát-viện, hoặc ở Đại-lý-tự, nên tại đây, mỗi tháng chỉ tuần chấp đơn-trạng vào những ngày mồng sáu, mười sáu và hai mươi sáu.

Đến ngày đã định, các vị đường-quan của Ti Tam-Pháp đem tủ-thuộc đến Công-chánh đường rồi chia ngồi: Hình bộ ở giữa, Đô-sát-viện bên tả, Đại-lý-tự bên hữu (Tả viện cao vị).

Cách làm việc thì thế nầy? — Phàm thần-dân trong nước ai có điều oan-khuất đến đây kêu nài thì đơn-trạng phải làm hai bổn (một bổn chánh, một bổn phụ). Các quan thâu đơn, bỏ thêm sự lý, rồi làm sớ tâu lên, có đính cả sự nghi nghị của Hội-đồng. Khi được chỉ nhà Vua truyền xuống, Hội-đồng coi việc thuộc nha nào thì chép gởi tới nha đó để chiếu theo mà thi-hành.

Đến như ai mật-cáo việc bạn-nghịch hay mật-tâu việc lợi hại lớn trong nước thì mới được làm một bổn tâm-trình niêm phong chắc chắn. Được bổn mật-phong ấy, ti Tam-Pháp phải lập tức tấn trình, không được tự tiện mở xem.

Và lúc nào thì được đánh trống *Đăng văn*? — Ngoài những ngày 6, 16 và 26, có một thuộc-viên của Hình-bộ, Đô-sát-viện hay Đại-lý-tự hay phiên đến gác tại ti Tam Pháp. Nếu có tờ mật-phong như trên đã nói hay có việc thật là khẩn cấp không thể chờ đến ba ngày đã định thì thần-dân được phép đánh trống *Đăng-văn* mà đâu không, tức như việc bà thủ-khoa nói-hữu-Nghĩa đã làm.

Vì thế, Tả Hữu nhận đơn trạng rồi lập tức giao người đánh trống *Đăng-văn* đó cho lưu thủ-hộ cấm thành. Hội nghị Hình-bộ với các đường-quan của Ti Tam Pháp. Nếu là tờ mật-phong thì các quan lập tức dâng ngay cho vua; còn nếu là những sự khống-cáo khác thì các quan trước hãy dâng sớ lược thuật sự tình, kế đó theo lẽ mà nghị bàn xét xử rồi lại tâu lên.

Quả có điều oan-khuất thì lượng trên lại tự xem xét bất cứ lúc nào. Nhưng chỉ là việc chẳng đáng phiền vua nhọc quan mà cũng « kích Đăng-văn-cổ » thì bà lẽ nên trách phạt? Bởi thế, trong lúc xin treo cái trống *Đăng-văn*, đình-thần có nghị luôn:

Nếu tờ mật-phong kia mà xét ra là vu-vọng thì khi thánh-chỉ ban ra, các quan thụ tội mà gã gao xử trị

Còn nếu là điều không phải khẩn-thiết mà tự tiện đánh trống *Đăng-văn* thì dẫu việc đầu-khống có đúng sự thật đi nữa, người đánh trống cũng bị đóng gông mười ngày giữa sân trước Công-chánh-đường, mãn hạn gông còn bị đánh đòn một trăm roi nữa. Thoảng xét ra là vu-khống mà:

a) nếu đáng tội « *đánh đòn* » thì đóng gông ba tháng rồi mới đánh đòn một trăm roi;

b) nếu đáng tội « *đồ* » thì đánh đòn trước một trăm roi rồi mới đày đi hạt khác mà bắt làm tính;

c) nếu đáng tội « *lưu* » thì đày ra chốn biên-thùy ở chỗ ma thiêng nước độc bắt làm việc khổ-sai.

Kẻ bày mưu xúi việc cũng đồng tội-lệ. Người già, bọn trẻ hay hàng phụ nữ mà phạm tội thì cũng tùy việc mà xin tường-trị.

Rồi các quan kết-luận rằng: có vậy thì việc làm mới chân-đáo, phép nước mới nghiêm-minh nhiên hậu Triều-Hình mới được tôn-trọng.

Vua chuẩn-y lời bàn định đó. Vì thế *nhà Tam-Pháp* tức *Công-chánh-đường* mới thấy có ở bên Nam-xương-đài của của Thượng-tứ (6) Trong nha có một viên đội trưởng và mười tên lính lo việc thủ-hộ, cuối tháng mới đổi phiên.

Và lệ bàn định nầy theo « *Thực lục đệ nhị kỷ* », quyển 81, trang 17 a — xảy ra trong năm Minh-mạng thứ 13 (tức 1832) vào hồi tháng sáu.

LÊ THỌ XUÂN

1) Kích cổ đăng văn », người ta hiểu nghĩa là đánh trống để được Linh Bề trên nghe. Nhưng thường dùng « Kích đăng-văn cổ » nghĩa là đánh cái trống Đăng-văn.

2) Tả, Hữu Đãi-lậu-viện là hai « nhà đợi giờ » ở phía tả và ở phía hữu. Hai nhà nầy ở phía trong Ngọ-môn quan, hai bên lầu Ngũ-phụng. Về thời Gia long thì nhà bên tả gọi Võ công-thự, nhà bên hữu gọi Văn-công-thự. Đến năm Minh-mạng thứ tư đổi làm Tả, Hữu Triều đường.

(3) Hai dãy nhà ngang ở hai bên tả, hữu, trước điện Cần-chánh.

(4) Tức Trung-quốc. — Về thời nhà Đường, họp Hình-bộ, Ngự sử đài và Đại lý tự làm Đại Tam Ti-sứ. Đến nhà Minh, nhà Thanh thì họp Hình-bộ, Đô-sát-viện và Đại lý-tự làm Tam-Pháp-Ti

(5) Tức cửa Thượng-tứ (ra Thương-bạc, sở tại Hương người Pháp quen gọi là « Mirador », xây năm 1829

6) Tòa nhà nầy vì quá hẹp bị phá bỏ trong năm chót vua Duy-tân (1916), còn ti pháp thì bị bãi bỏ hẳn sau kỳ vụ chót trong năm Thành thái (1906). — (Amis Vieux Huế, 194 n° 4.)

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN - THỊ - BÍCH

Số 4

Ưng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

Trị vì ba sáu năm chầy,
Lòng nhân tính hiếu đức tầy Thuấn Nghiêu.
Tư trời học ít hay nhiều,
Vạn cơ dư hạ (1) chăm điều bút nghiên.
Muốn cho ai cũng đều nên
Đặt làm sách vở để khuyên dạy người.
Chẳn là ngâm vịnh đủ tài
Lời châu tiếng ngọc trong đời ngợi khen.
Rảnh thường dạo bắn giải phiền,
E-dè trên những sơ kiêng mười phần. (2)
Gẫm nên lênh chúa hiền-quân (3),
Gặp tuần bỉ vận (4) gian-truân khôn nài.
Thừa-hoan (5) dưới gối không ai,
Cớ sao riêng chịu thiệt-thòi nối sau?
Nhân Cao nghĩa Tống khác đâu (6),
Gót lân (7) vắng trỗ luống sau ưu phiền.
Minh-linh (8) sớm phải chọn hiền.
Hoàng-trừ (9) bởi vì nuôi khuyên bù-trì.
Sinh nuôi nào có khác chi,
Tác thành đều đối rộng suy ơn dầy.
Lượng trên há có riêng tây (10)
Chẳn lo tông xã (11) sau này vững yên.
Vậy bèn chọn kén đấng hiền,
Song mà thơ-ấu chưa nên kế-trì. (12)
Trưởng-quân vốn đã có vì,
Nhu ưng, vậy phải tùy nghi trao cùng.
Di thiên di-chiếu (13) rõ lòng,
Sau răn trước (14) đủ trong mấy lời.
Thử hư là hệ bởi trời
Sao cho vẹn đạo người ấy vay?
Vì vì lựa kẻ chân tay.
Ít quan phụ chính để nay giúp phò.
Mọi điều trước dặn-bảo cho.
Di lưu chẳng sót hãy lo việc đời.

Vua Tự-đức trị vì được ba mươi sáu năm, 1848 — 1883: Kể từ vua Gia-long trở xuống, Ngài được lâu dài hơn cả. Ngài có lòng nhân-từ, có đức hiếu-kính, chẳng khác gì vua Nghiêu vua Thuấn đời xưa. Ngài có thiên tư học ít mà biết nhiều, cho nên sau khi muôn việc được thong-thả, ngài lại chăm đến việc bút nghiên. Muốn cho ai nấy cũng nên người hay người khá, ngài làm sách để khuyên dạy người đời. Thật là đủ tài ngâm vịnh, mỗi lời mỗi tiếng đều là vàng ngọc, ai cũng ngợi khen. Khi rảnh việc, thường đạo chơi săn bắn để giải phiền, mà vẫn e-dè kiêng nể bậc trên (tức là hoàng-thái-hậu). Ngẫm ra Ngài thực là một bậc vua hiền của giới, thế mà gặp tuần bĩ-vận thì cũng không làm sao cho khỏi gian-truân. Như việc nối-nghiệp thì dưới gối không người thừa-hoan. Cớ sao một vị nhân-quân có lòng nhân-nghĩa như Hán-Cao như Tống-tổ, mà lại vắng trỗ gót lân, để phải lo phiền về sau rằng: riêng chịu thiệt thòi? Bấy giờ ngài phải chọn trong ba vị hoàng dưỡng-tử, lấy người nào hiền-đức để nối ngôi. Sinh ra mà nuôi nấng công tác-thành cũng như nhau, nên ngài đã phải nuôi-nấng khuyên-răn và bù trì chẳng khác gì con đẻ. Ngài sở dĩ không thiên-vị riêng tây, là ngài cốt lo cho tông-miếu xã tắc sau này được vững-vàng yên - ổn. Tuy trong ba vị dưỡng - tử ấy có người hiền-đức, nhưng mà tuổi còn nhỏ chưa nên nối vì, còn người lớn tuổi, tuy không phải lầm, mà cũng phải tuỳ nghi mà giao cho, nên trong di-chiếu đã nói rõ rằng: « tuy không đủ giữ ngôi báu, nhưng trưởng-quân là phúc cho xã tắc, nên cho nối ngôi », thế là giữ sau răn trước đủ cả. Còn đến việc nên hay không, là bởi lòng trời, làm người cốt ở sao cho vẹn đạo, Ngài lại lựa những

bề-tôi chân tay, nên phải đặt quan phụ-chính để giúp. Mọi điều ngài đã dặn bảo trước tất cả, những câu để lại không sót một ý gì.

Tự quân chưa chính ngôi trời,
Chiếu thư lại cải, quên lời sách xưa.
Văn-Tường, Tôn-Thuyết chẳng ngờ
Vậy chưng lỗi ấy phiền tờ dâng tâu.
Trần-công (15) hờ hững biết đâu,
Kim-đằng (16) giữ dạ hãy cầu cho yên.
Kỳ danh chẳng chịu hợp đoàn,
Phải chưng uổng (17) sát họa mang vào mình.
Thuyết Tường đem chúng tâu trình :
« Xin tôn người khác, yên tình thần dân.
Gửi nay quốc-vận đang truân (18)
Cầm quyền phải lựa trưởng-quân mới đành.
Tùy nghi em nối nghiệp anh, (19)
Đời xưa thường vậy, người lành ấy nên. »
Lại rằng : Sẵn có đấng hiền
« Quốc-công Văn-lãng đáng truyền ngôi cao. »
Thánh-từ kinh-dị xiết bao,
Phải chăng, nào biết rằng sao bây giờ.
Sụt sùi châu lệ tuôn mưa :
« Chẳng nghe sợ nỗi đồ-thừa về sau!
Vả chăng xã tắc làm đầu,
Miễn cho yên ổn, ai đâu mà nằng. »
Thấy đà ưng dạ triều-thần.

---

1) Vạn cơ là muôn việc ; vua phải lý muôn việc, nên có chữ « nhất nhật vạn cơ » nghĩa là « một ngày muôn việc ». « Vạn cơ dư bạ » là « sau khi muôn việc đã xong, được thong thả.

2) Ý nói vua Tự-đức trên có đức Thái-hậu, chưa có đi săn bắn cũng e-dè kiêng sợ.

3) Lệnh chúa là vua hiền, hiền-quân cũng nghĩa thế.

4) Bỉ-vận là vận xấu. Gian truân là vất vả khó khăn.

5) Thừa là vâng, hoàn là vui. Cả hai chữ thừa hoan là có con thừa phụng được vui.

6) Nhân Cao nghĩa Tống là có lòng nhân như vua Cao tổ nhà Hán, có nghĩa như vua Thái tổ nhà Tống.

7) Gái Lân là chữ Lân chỉ vào Kinh thi có con hay, hoặc con các quan.

8) Minh linh là con tổ ổ. Nguyên có điển tổ vô nuôi con nhện cho mình người đời mượn chữ minh linh làm con nuôi.

9) Hoàng trù là con vua.

10) Câu nay nói vua Tự-đức không con, nuôi ba người cháu làm con nuôi ; Ưng Chân, tức Dục đức, lớn tuổi hơn, còn hai ông kia (tức Ưng Kỳ sau là vua Đồng Khánh, Ưng Đăng sau là vua Kiến Phúc) hãy còn ít tuổi. Khi vua Tự đức băng, có di chiếu cho Ưng chân nối ngôi, và sai Trần tiễn Thành, Nguyễn văn Tường và Tôn thất Thuyết phụ chính. Trong di chiếu có câu rằng : « Dục đức công tổ vô hiền đức, bất tác dĩ chủ thần khí, dẫn quốc sự đa gian, hữu trưởng quân nãi xã tắc chi phúc, cố sử tự vị » nghĩa là « Dục đức công vốn không hiền đức, không đáng chủ đồ thần khí ; nhưng việc nước nhiều sự gian ngăn, có trưởng quân là phúc cho xã tắc, cho nên sai nối ngôi »

11) Tông là tông miếu (thờ tổ tiên nhà vua) xã là xã tắc, quốc gia, tức đất nước.

12) Từ câu « Lượng trên hà có riêng tây » đến câu « Sống mà thơ ấu chưa nên kẻ trì », bản nôm của Bạc cổ phê câu « Họa xuất Anh hoàng nhất phiến khổ tâm » nghĩa là « vẽ ra một tấm khổ tâm của vua Tự đức ». Tên thụy vua Tự đức là « Anh » nên gọi là « Anh hoàng ».

13) Di chiếu là tờ chiếu của vua để lại khi sắp băng.

14) « Giữ sau rằn (trước » là nói Dục đức không có hiền đức, nhưng vì lớn tuổi, phải cho nối ngôi

15) Trần công là Trần tiễn Thành, nhận tờ di-chiếu cùng với Tường, Thuyết, để phụ chính tự-quân. Đoạn này bản nôm của Bạc cổ phê câu : « Trung thành nhất niệm, bất phụ kỳ danh », nghĩa là một niềm trung thành, không phụ tên mình là Thành.

16) Kim đằng là tên một thiên sách của đời Chu, nguyên khi Vũ vương bị bệnh, Chu công (là em ruột) cầu khấn với tam vương xin chết thay, sử thần đem bài khấn ấy để trong hòm Kim đằng. về sau Chu công bị Quản thúc và Thái thúc (là hai em Vũ công), gièm pha, Chu công bị thiên ở Đông đô. Đến khi Thành vương con Vũ vương nghe công bằng chú ruồi mở hòm thấy thư ấy, bèn công của Chu công là khó nhọc, cầm thư khóc, rước Chu công về kinh đô. Sở dĩ gọi là Kim đằng là cái hòm ấy đàng khóa vàng. Chữ Kim đằng ở này là nói đạo di chiếu.

17) Uổng sát bị giết oan.

18) Quốc vận đang truân là vận nước lâm nguy biến

19) Em nối nghiệp anh là nói vua Hiệp hòa là em vua Tự đức.

Thùy-liêm (20) vậy phải trao phân tiếng vàng :

« Việc ngoài đều cậy các quan,
Làm sao cho đặng vững an nước nhà.
Ta nay vả dự đàn bà,
Lại thêm lú lẫn, tuổi già tác cao.
Rất e những nỗi Tây Tàu,
Trong mà chẳng định, ngoài đâu quét loàn. »
Các quan vâng lĩnh lời vàng,
Xin phê « y tấu » truyền ban tức thì.
Tôn nhường (22) người trước có suy,
Những lời đã định dịch từ (23) đặng vay !
Có quan ngự-sử tôi ngay (24),
Phan đình Phùng gã thấy nay bất bình.
Trước triều ra mới nói trình :
« Tự quân có rất lời lành chưa can,
Bên da lỗi ấy sao an ?
Nghìn thu để tiếng luận bàn về sau.
Mình chẳng sợ chết cúi đầu,
Phát-minh lý thẳng ngõ hầu cùng nghe.
Thấy lời ai nấy sảng ghê ! (25)
Sốt gan Tường Thuyết truyền đè chèn ngay,
Dẫn ra ngục thất giam vầy
Oai nhường sấm sét ai ray dám phân,
Vâng theo bài yết tân-quan
Trông xem chính lệnh xử phân thế nào ?
Đem ông trừ-nhị truyền giao,
Giảng-đường tạm ở ra vào giữ canh.
Ơ ai đều đặng hiền vinh.
Hưởng nhờ sang cả phỉ tình mai nay...

Nhưng tự-quân là Dục-đức-công chưa chính ngôi trời, tức là chưa làm lễ tấn tôn, chưa ban ấn-hiệu mới. Trong khi các quan tuyên đọc viễn-thư để sắp tôn lên ngôi báu, thì có đôi một [illegible] ở trong đạo sách phong của vua Tự-đức (tức [illegible]) Dục-đức-công tố vô hiền đức..., nhưng [illegible] vua Tự-đức để lại thì phải mà các quan [illegible] thì không tiện, nên mở [illegible] ải đi). Không ngờ [illegible]n-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết không nghe, [illegible] lỗi tuyên-độc sai làm phiền tâu lên thái-hậu. [illegible]rần-tiễn Thành thì hồ-hững không biết, cứ [illegible]ột lòng trung-thành theo trong Kim-đằng (là Dục-đức) cho yên nước dã; nên khi hai người [illegible]p đoàn để phế Dục-đức, thì Trần tiễn-thành không ký, sau bị chết nồng mạng. Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường tâu với thái-hậu rằng : « xin tôn người khác để yên lòng thần-dân, nay trong nước đương lúc nguy-biến, phải chọn vị trưởng-quân cầm quyền mới xong : tùy cơ ứng biến, em nối nghiệp anh, đời xưa là thường, miễn là được người có hiền-đức để cho trong nước được yên. Sẵn có Văn-lãng quốc-công là một bậc hiền-quân đáng nối ngôi báu ». Thánh-từ (tức thái-hậu) nghe tâu, kinh hãi xiết bao ! Nhưng phải chịu vậy, nào biết làm sao bây giờ ? Ngài vừa khóc vừa nghĩ rằng : « Nếu không nghe, thì e về sau hai ông ấy lại đổ thừa là tại mình. Vả chăng cốt lấy việc xã-tắc làm gốc, miễn cho trong nước được yên, chứ ai làm vua thì cũng trong một thống-hệ, có ra đến ngoài đâu mà ngại ». Tất cả các quan triều-đình đều bằng lòng. Ngài phải thảy-liêm thính chính để ban lời vàng ngọc ra thần dân : « Việc ở ngoài thì đều cậy các quan, làm sao cho nước nhà được vững bền yên ổn là hơn. Còn như ta này là phận đàn-bà, lại tuổi tác già cả, thêm lú-lẫn. Ta rất sợ những nỗi Tây Tàu, nếu bên trong mà không êm ấm, thì dẹp làm sao được toạn ở ngoài ? » Các quan đều vâng lĩnh ý-chỉ của Thánh-từ, xin ngài phê chữ « y tấu » để tập tức ban-bố thần-dân. Việc nhường-ngôi thì người xưa cũng đã có, huống chi những lời bàn của đình-thần đã định, thái-hậu đã phê, thì đổi làm sao được nữa ? Thế mà có quan ngự-sử là Phan-đình-Phùng vốn bề-tôi trung-trực, nay thấy việc bất-bình, ra trước sân chầu nói rằng : « Dù Tự-quân có lỗi, nhưng chưa ai lấy lời hay lẽ phải để khuyên

(Xem tiếp trang 20)

20) Thùy liêm là buông rèm : đàn bà dự việc nước gọi là thùy liêm.

21) Đoạn « Rất e những nỗi Tây Tàu... », bản nôm của Bác cổ phê 4 chữ « Từ mẫu chi ngôn » nghĩa là « Lời nói chi tình của Từ mẫu ».

22) Tôn nhường là nhún nhường, tức ông vua tự nhún mình xuống ngôi thấp kém để nhường người khác.

23) Dịch từ là đổi lời.

24) Trên câu « có quan ngự sử tôi ngay... » bản nôm của Bác cổ phê bốn chữ « chính-khí lẫm nhiên », nghĩa là chính khí lẫm liệt trang nghiêm.

25) Sang ghê là tiếng trung kỳ, tức là sợ tang-

HOÀNG VĂN TÙNG

(Tiếp theo trang 6)

chữa, nhưng vài hôm nữa thì anh em trong ngục được tin ông đã sắp mất, viên chủ-tịch hội đồng Đề-hình cho phép ba Tùng được đưa ông về quê để liệu lý việc tang. Nghe tin ấy, anh em trong ngục đều cố nài xin với tên Bích chủ-tịch hội-đồng, cho được cử hai đại biểu theo xe đưa ông về Thanh để tiễn chân bạc đến nằm mồ thiên cổ. Bấy giờ đảng mới ở trong tình-trạng dự bị, chưa làm việc gì để cho người Pháp thù oán lắm cho việc ám sát Ba-Gianh nhưng chúng lại chưa xét biết là việc của đảng làm, vì thế hội-đồng Đề-hình đối với các đảng viên, cũng còn có đôi điều dễ dãi, cho nên việc này xin này mới được họ ưng thuận. Anh em bèn cử hai bạn là Lê Văn-Phúc, Phó Đức-Chính xin giấy tạm xuất ngục đưa theo ông Tùng về quê. Ô-tô đưa về đến Ninh-bình thì ông tắt thở. Hôm ấy là ngày 26 tháng 6 năm 1929 tức là ngày 20 tháng 5 năm Kỷ-tỵ.

Thế nghĩa là ông Tùng mất về năm Kỷ-tỵ 1929 trong khi mới việc giết Ba-Gianh, đảng chưa làm một việc bạo-động nào cả, chứ không phải là mất về năm Canh-ngọ 1930, sau khi đã xảy việc cách-mệnh Yên-bái rồi, mà ông không từng hợp tác với ông Kỳ Con Đoàn Trần-Nghiệp trong ban Ám-sát bao-giờ. Dạo ấy, Nguyễn Chủ-tịch (Thái-Học) vẫn đương hoạt động việc đảng ở ngoài chứ chưa hề bị bắt vào ngục, nên ông không hề dự gì vào việc phái hai đồng chí vào Thanh đưa đám ông Tùng như các báo đã nói. Nên biết rằng sau việc Yên-bái, các đảng viên V. N. Q. D. Đ đều là những kẻ tử thù của bọn thực-dân Pháp, không thể nào còn có sự chúng thả ông Phó Đức-Chính một yếu nhân ngang với ông Nguyễn Thái-Học được tạm ra khỏi ngục để vào Thanh đưa đám ông Tùng. Và lại cái ngày 13 vị Liệt-sĩ lên đoạn-đầu-đài ở Yên-bái trong số có ông Phó Đức-Chính, là ngày 21 tháng 5 năm Canh-ngọ (17 6 30) làm sao lại còn có sự trước đó một ngày là 20 tháng 5, ông Chính được ra khỏi ngục để vào Thanh đưa đám một người cách-mệnh đồng-chí ?

Vì tôi có biết rõ việc này, vậy xin viết mấy lời đây để giữ cho được đúng thực những tài liệu của cuốn sử cách-mệnh.

Còn nhớ bấy giờ ông Phạm Tuấn-Tài một sáng-lập-viên của đảng, cũng bị giam ở trong ngục, có làm đôi câu đối sau này để khóc ông Tùng.

Nước mất đàn lan, nát ruột nát gan không nói nữa,
Sàn tìm cửa sắt, ma nhà ma bạn biết đi đâu ?

THÚC KHÊ

Cụ Sào-nam Phan Bội-Châu

(Tiếp theo trang 5)

Gió dập mưa dồn, đành vác nạng chống trời khôn nỗi, mấy lúc đông tây bôn tẩu, việc tồn vong trước mặt đã liều; bể sâu sóng cả, phải cuốn buồm theo gió mới êm, có lợi-hại sau này như thấy.

Chim hồng đang cất cánh bay cao; ngựa kỳ bỗng sa chân vào bẫy.

Công chẳng có, tội đành phải có, giữ chút gan vàng dạ sắt, nặng cương-thường như núi Thái-nhân trùng; sống như không, thác cũng như không, quản bao sấm sét bủa rìu, nhẹ tính-mệnh như lông hồng một mảy.

Được tin về nước, trăm miệng xôn xao; nghe nói vào lao, một lòng nóng-nảy.

Sự bất-sát chẳng qua vì công lý, nào phải xây lưng sấp mặt, phận hàng thần lơ láo ra chi; kiếp nho-sinh trở lại với đồng bào, đành cam nhắm mắt đưa chân, cơ Tạo hóa xây vần thế ấy.

Gian lều cỏ tựa kề bên đỉnh Ngự, trăng tàn, gió lạnh, bước cùng-đồ thôi hết nói tơn thua; chiếc thuyền con lơ-lửng giữa dòng Hương, rượu chuốc thơ ngâm, ngoài thế cuộc mặc-dầu ai phải quấy.

Cũng có lúc đau lòng mà khóc, khóc Tây hồ, khóc Tập-xuyên, khóc hết người này người nọ, khóc bao-nhiêu ruột héo bấy nhiêu; cũng có khi hé miệng ra cười, cười qua chuyện ngái (4) chuyện gần, cười chừng nào lệ rơi chừng ấy.

Mười lăm năm hiu-quạnh, một xe trời đưa bánh quanh-co; bảy mươi tuổi héo mòn, ba thước đất lấp đời vàng vẫy.

Chết đã thiệt, sống biết làm sao được nghĩ tới tiền-trình đằng-đặc, bốn nghìn năm Tổ-quốc, lẽ nào tang hải biến-thời; trước dặn qua sau phải tính thế nào, nhớ lời dạy-dỗ rành rành, hai mươi triệu đồng-bào đừng để phong-trào xô-đẩy.

HOÀI-NAM (1940)

4) Xa.

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 4)

chùa thờ Phật. Lại trích tiền kho chuộc những người con gái nghèo đã cầm cho người ta, đem gả cho những người góa vợ » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4, tờ 6 b 7 a). *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (q. 3, tờ 16 b), chép rằng : « Tục truyền thái-hậu sở dĩ dựng hơn trăm ngôi chùa thờ Phật, là sám hối về tội bắt Thượng-dương tù ái-hậu và 76 tù-nữ tuẫn táng », tức là chôn theo khi vua Thánh-tông mất.

« Tháng sáu năm bính thân 1116, tăng đồ là Từ đạo Hạnh giả thi (rồi xác ở trong chùa Thạch thất (nay Phật tích Bắc ninh). Nguyên khi Sùng hiền hầu chưa có con, một hôm tự tăng ở Thạch thất là Từ đạo Hạnh đến nhà Sùng hiền hầu nói chuyện về việc cầu con, tự tăng xin cầu với sơn thần bộ, được con trai, và dặn rằng : « Nhẽ khi nào phu nhân lâm sản, phải bảo cho tôi biết trước ». Sau ba năm phu nhân họ Đỗ quả nhiên hoài thai, đến ngày đến tháng thì ra nan sản, Sùng hiền hầu nhân nhớ đến lời sư dặn, sai người đến bảo Từ đạo Hạnh, Đạo Hạnh giả cách đi lấy phù lục, thay áo, tĩnh thần vào trong hang đá, cởi xác lại, rồi mất : Phu nhân liền sinh con trai, tức là Dương Hoán, sau là Lý thần tông, tương truyền là Từ đạo-Hạnh tái sinh. Người làng lấy làm lạ, đem xác để ở trong khám để thờ, hiện nay chùa Phật tích hãy còn chỗ ấy. Cứ mỗi năm đến ngày bảy tháng ba con trai con gái đến chùa lễ bái rất đông, thật là thắng hội của một phương. Đời sau lại ngoa truyền (truyền tụng sai) là ngày giỗ sư. Cái xác Đạo Hạnh đến đời Vĩnh lạc nhà Minh, là lần Bắc thuộc thứ sáu (1414-1417) bị người Minh đốt. Người làng lại tô tượng như cũ để thờ, hiện nay hãy còn » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 16 b 17 a và *Đ. v. s. k. cải lương*, sổ sách 1116, q. 2, tờ 30 b).

« Tháng ba ta năm 1117 vua ngự Chương sơn, khánh thành tháp Vạn phong Thành thiện (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 17b).

« Năm Mậu tuất 1118, sứ Chân lạp tới triều kiến, đặt xuân điển yến lễ và gặp khánh thành tháp Thất bảo mở hội, vua ban chiếu các quan chính bị nghi trượng ở điện Linh quang, để dẫn sứ đến xem » (*Đ. v. s. k. toàn thư* q. 3, tờ 18 b). Đến tháng bảy sứ Chiêm thành lại cống. Sang tháng chín vừa gặp khánh thành chùa Thắng nghiêm thánh thọ, sai mở hội thiên phật cho sứ Chiêm thành xem » (*Đ. v. s. k. toàn thư* q. 3 tờ 19 a).

Lý nhân tông là người hay ưa những điềm lạ, cho là lành hay dữ, nên ác quan tả hữu cũng a dua. Như « mùa xuân năm giáp dần 1074 có chim sẻ trắng làm tổ ở sân cấm » (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 33a), « mùa xuân năm bính dần (1086) Nguyễn Viễn dâng con rùa sáu chân, trên lưng rùa có chữ (?) Về sau nhiều người đem rùa la đến dâng (*K. đ. V. s.*, q. 3, tờ 45 a). « Mùa xuân năm canh dần (1110) có người đàn bà dâng con phượng non đủ năm sắc chín lông đuôi. Từ văn Thông dâng một con hổ trắng, một con ngựa trắng, sinh cựa (như cựa gà) và một gốc tân lang (cau) mười một giống » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 15 b). Sang « mùa xuân năm sau (1111) phủ Thanh hóa dâng một gốc cau chín giống » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 15 b). « Tháng năm năm 1117, viên ngoại lang là Ngô Thiệu dâng một giống lúa chiêm chín bông. Phụ mã lang là Dương cảnh Thông dâng hươu trắng. Thủ lĩnh châu tư nông là Hà vĩnh Lộc dâng con ngựa đỏ sinh cựa » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q. 3, tờ 17 b). Thần dân trong nước dâng về nhiều lắm, không thể chép hết.

Còn những điềm về trời, đất, thì sử chép như sau này :

« Năm quí sửu 1073 mưa đá (không rõ tháng), vua sai kỳ đinh (cầu tạnh) ở chùa Pháp vân và thần núi Tản viên » (*K.đ.v.s.* q. 3, tờ 31 b). « Mồng một tháng tám năm ất mão (1075) có nhật thực » (*Đ. v. s. k. toàn thư*, q. 3, tờ 9 a). « Năm kỷ mùi 1079 mưa đá. Được mùa » (*K.đ.v.s.*, q. 3, tờ 42 a). « Năm qui hợi 1084 có rồng vàng (?) bay ở điện Tử thần và điện Hội long » (*Đ. v. s. k. toàn*

thư, q. 3, tờ 11 a). « Tháng sáu năm ất hợi 1095 đại hạn, vua xuống chiếu tha tù và giảm các thứ thuế » (*Đ. v. s. k. toàn thư*, q 3, tờ 12 b). « Tháng tám năm 1097, có sao mọc ban ngày (?) Năm 1098 động đất và sao chổi, năm 1099 thần long (?) xuống cây mai » *Đ.v.s.k. toàn-thư*, q 3, tờ 13 b). « Ngày lập xuân trong tháng giêng năm nhâm ngọ 1102 có tuyết xuống » (*Đ.v.s.k. toàn thư*, q.3, tờ 13 b). « Tháng giêng năm bính tuất 1106 sao chổi mọc ở phương tây dài suốt tầng giời » (*Đ. v s., k. toàn-thư.*, q. 3, tờ 15 a), cùng năm ấy có « sao thái bạch mọc ban ngày, vua ban chiếu tha những người nghịch đảng » Đến « mùa hạ năm sau (1107) động đất ». « Mùa hạ năm 1108 không mưa » (*Đ. v. s. k., toàn thư*, q. 3, tờ 15 b). « Mùa thu năm tân mão 1111 mặt trời mọc hai tán ». Đến « mùa xuân năm 1112, có móc ngọt (cam lộ) ; (*Toàn thư*, q. 3, tờ 16 a). « Mùa xuân năm giáp-ngọ 1114 có tuyết xuống » (*Thần-thư*, q. 3 tờ 16b). « Tháng ba năm đinh-dậu 1117 rồng vàng (?) hiện ở Bảo-tháp Vạn-phong Thành thiện » (*Toàn-thư*, q. 3, tờ 17 b), « Tháng sáu năm ấy Vua ngự hành - cung Ứng-phong (Nay phủ Nghĩa - hưng) thăm cầu, không mưa, làm lễ đảo vũ ở hàng cung. Có rồng vàng (?) hiện ở Đông-linh bảo đá (*Toàn thư*, q. 3 tờ 18 a). « Tháng mười năm ấy (1117) Vua ngự hành-cung Khải-thuỷ để xem gặt, đêm ấy mặt giăng hai tán, Vua cho tìm những cốc các lòn tuất đem vào trong cung nuôi xuống chiếu rằng : « Trẫm coi triệu dân, lâu không con nối, thần-khí của thiên-hạ, thì trông vào cho ai ? Nên nuôi con các lon-thất là Sùng-hiền hầu, Thánh-khánh hầu Thánh-quảng hầu, Thánh - chiêu hầu, Thánh-dung hầu, chọn người nào khá (thiện) thì lập ». Bấy giờ con Sùng-hiền hầu là Dương-Hoán mới hai tuổi, mà thông-minh mẫn-tuệ Vua rất yêu bèn lập làm hoàng-thái-tử » (*Toàn Thư* q. 3, tờ 18 a-b).

« Tháng năm năm mậu-tuất (1118) đại hạn, lễ kỳ đảo được mưa ». « Năm ấy có móc ngọt (cam lộ) xuống Vua ngự bút tám chữ *Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế* vào bia, rồi sai thợ khắc » (*Toàn-thư*, q. 3, tờ 19 a). *Đại-Nam quốc-sử diễn ca* (tờ 28 b) chua rằng : « Nay các đình ở dân-gian phần nhiều khắc bốn chữ *Thánh cung vạn tuế* làm hoành biển thiếp vàng, là bắt chước từ đấy. « Tháng năm năm bính ngọ 1126 đặt hội nhân-vương ở Long-trì, ngày hôm ấy có rồng vàng (?) hiện ở điện Vĩnh-quang ». (*Toàn-thư* q. 3 tờ 24 a). Đến « tháng tư năm sau (1127) mưa ra thóc » (*Toàn-thư*, q. 3 tờ 25 a). Còn nhiều điềm thường thường sử chữ nho cũng chép, nhưng tưởng mấy chuyện trên kia cũng đủ rõ trình-độ dân-trí thời bấy giờ.

Đến việc giao tiếp với Tàu và các nước phía tây, nam, trừ việc Lý-Thường Kệt đánh hãm ba châu của Tàu và lấy lại ba châu của Chiêm-thành, sử còn chép những việc sau này : « Năm qui sửu 1073 nhà Tống sai sứ sang sách phong làm Giao - chỉ quận - vương » (*Khâm-định V s* q. 3, tờ 31 b). « Tháng ba năm đinh mão 1087 vua Triết-tông nhà Tống mới nối ngôi, sai sứ sang gia-phong cho vua Lý Nhân-tông làm Nam-bình-vương » (*Khâm định*, q. 3. tờ 45 b).

Nguyên năm ất-tỵ 1125 nhà Tống giao giả Mạc-Hiển vua Lý cảm ơn. Đến « tháng mười một nhuận năm bính-ngọ 1126 Vua Lý sai lệnh-thư-gia là Nghiêm Thường và ngự-khố tạm-gia là Từ-Diên đem tuần-tượng tê tê và vàng bạc sang sứ nhà Tống để cảm ơn về việc bắt Mạc-Hiển. Bọn Nghiêm-Thường đi đến Quế-châu (nay phủ Quế lâm) thì chức kinh lược-ty của nhà Tống ở Quế-châu bảo rằng : « Năm nay Đông-kinh và bọn Đỉnh-Phong ở Hồ-nam đều phát binh mã để đánh người Kim hiện nay đường xá nguy trạm và phu trạm rất ít, Xin sứ giả nhận lấy những lễ-vật ». Bọn Thường bèn về. Năm ấy người Kim vây Biện-kinh nhà Tống bắt vua Tống là Huy-tông Khâm-tông, nước Tàu bị loạn » (*Khâm định Việt-sử*. q. 4, tờ 16 a và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* q. 3, tờ 24 b).

(Xem tiếp trang 28

MỘT ÁN «THÔNG PHỈ»

Kính Tiên-linh Đường bá phụ
Tương Nguyên tiên-sinh

Số 2.

TIÊN-ĐÀM

Không biết nói sao, ông cử Đoài lạy tạ rồi mặt các bạn cung kính thưa:

— Bẩm ta quan! việc này thế tất có kẻ bức-xác, ghen-ghét với anh em chúng tôi.. quan lớn xuyên đây đã rõ.. những sự xuất, nhập, khởi, cư của chúng tôi.. thật chúng tôi không bao giờ có gan làm việc tầy đình như vậy!

Quan huyện ngồi lặng thinh, suy-nghĩ ông Bát gắt ngay:

— Oan hay không ôi không biết! có điều các ông muốn kêu lên tỉnh kêu với cụ Lớn.. việc quan có kỳ-hạn.. mai sớm tôi phải về, tuỳ các ông liệu lấy. Thế nào quan huyện gật sao?

Quan huyện nghe cái giọng sách nhiễu của tay lại-giả ấy trong bụng ghét lắm nhưng ở vào tình thế khó xử ôn tồn nói:

— Thôi, có phải quan Bát đã lậm lội từ tỉnh về.. mà việc lại có quan hệ đến các ông.. trách-nhiệm về tôi.. thôi.. các ông liệu lên tỉnh.. nói với quan Bát đừng a kêu xin với cụ Lớn cho..

Như hiểu ý quan huyện, ông cử Đoài sẽ bàn nhỏ với 5 ông kia, rồi đứng lên nói:

— Vâng, quan lớn huyện đã giậy, lại nhân có cụ Bát về, xin khất hai quan, chiều nay, anh em chúng tôi xin vào hầu..

***

Buổi hầu chiều, quan huyện lại ra công đường ngồi tiếp chuyện ông Bát, lính lên bẩm có ông cử Đoài xin hầu, quan cho vào.

Vừa vào đến nơi, quan huyện vội hỏi ngay:

— Thế nào! ngài cử đã tính toán xong việc ấy chưa?

— Dạ, bẩm hai quan, nhà nho cũng thanh bạch, anh em chúng tôi, bàn tính mãi, mới xếp được có «tam bách» và «ngũ thập» để kính riêng cụ Bát, gọi là.

ông Bát vờ giơ tay sua sua nói:

— Cốt là Cụ Lớn lượng thứ cho các ông, chứ tôi thì không hề gì...

Ông Cử Đoài cung-kính hai tay đặt gói bạc lên bàn. Quan huyện khó chịu quay vào trong gọi lính chuyên thêm trà, trong khi ông Bát, nắn cái gói bạc.

— Được! ông Cử cứ lại nhà và nói với các bạn, tôi xin hết sức...

— Cám ơn Cụ, chúng tôi xin trông nhờ cụ che chở cho..

— Các ông cứ yên lòng, tôi thu sếp được... mai sớm tôi về ngay.

***

Sáng hôm ấy, vừa rứt một hồi ba tiếng trống, quan Tiểu phủ từ nhà trong ung dung ra công đường; dưới vành khăn nhiễu tam giang nét mặt hãy còn mệt nhọc, chừng như đêm qua, tấu trò «Tống Hoàng» đã làm cho ngài ít ngủ. Ngài ngồi vào sập kê dữa công đường.

Tên hầu trà vừa chuyên một tuần trà, nhè-nhẹ rón-rén, cúi đầu đi qua trước mặt ngài ra biên rồi, độ chừng một phút lại rón-rén vào, gãi tai, bẩm:

— Bẩm Cụ Lớn, thày bát xuống T. L. mới về, xin vào hầu Cụ Lớn.

— Gọi thày ấy vào trong này!

— Dạ!

Ông Bát sửa lại khăn áo, bước lên thềm, chụ giầy, vào công đường, khom lưng, chắp tay vái chào

— Lạy Cụ Lớn!

— Ừ thày đã về thế nào huyện T. L. cho đò cho ta mấy tên ấy không?

Ông Bát gãi tai bẩm

— Bẩm Cụ Lớn, anh huyện con có cho trát đòi cả sáu tên lên.. con xem ra họ đều là Cử, tú, văn [illegible] trong huyện...

Hơi quắc mắt, quan Tiểu phủ, đẩy cái ống thuốc bạc trên sập, gắt ngay :

— Thì văn thân mới hay có dị ý ! thày không thấy đấy à, Nghệ, Tĩnh cũng toàn bọn văn thân cả... chà... cái anh huyện T. L !...

Sợ hãi, ông bát hơi run run tiếp :

— Bẩm. bẩm Cụ Lớn ! anh huyện con có gọi họ lên .. có truyền bảo lệnh cụ Lớn .. họ đều sợ hãi và có nhờ con về kêu xin Cụ Lớn .. hiện họ có sếp một số ngân « tam bách ».

— Có thế thôi à ! còn thày, chúng nó tiền bao nhiêu ?

— Dạ bẩm « ngũ thập »

Rồi, ông bát sẽ móc túi để một cái gói trên sập

Hai con mắt vọ của quan Tiểu phủ sẽ liếc xuống gói giấy, như không nghĩ gì, ngài truyền luôn ;

— Thôi, anh đưa cả chỗ của anh ta dùng... còn anh để lần khác... Hừ cái anh T. L. làm việc quan như thế thì... bất cập .. bất cập...

Ông bát lại đưa ra một gói nhỏ, vái chào, lui ra.

***

Vụ thuế tháng năm, hạt T. L. nhận giấy sức của quan huyện được ba hôm, các lý trưởng đều đã lên nha « trình kiểm » phần việc kiểm đủ, quan sai thảo tờ « trình » lên tỉnh và định đến bữa 24 sẽ cùng quan trợ biện giải thuế nộp.

Năm ấy, tuy mùa màng không được tốt, nhưng dân hạt T. L. thấy quan sức là lo nộp đủ ngay nên bữa 24, chưa phủ huyện nào « đồ » thuế mà hạt T. L. đã thấy quan nha hương lý lên tỉnh.

Quan huyện dặn nha lại, lý dịch, chờ ngoài hàng rồi một mình vào dinh quan Tiểu phủ kiêm Tuần phủ trình giấy má, bài bổ, rồi ông bát xin « cụ lớn » cụ Lớn phê để bo nộp kho bạc.

Cả buổi sáng chờ đợi, mãi sẽ chiều, quan nha lý dịch hạt T. L. mới được các chức vụ sở kho bạc « kiểm thu », tính phải lại xong, thày trò thu sếp ra về.

***

Quan huyện T. L. lại sống cái đời của nhà nho, sau những phút bận rộn về công vụ.

Hôm ấy, đang ngồi làm việc ở công đường, thày thông mang giấy lên hầu « chữ » có đưa trình quan một bì công văn ở tỉnh. Bóc bì, quan huyện xem qua một lượt, rường như chưa hiểu, lại lầm nhẩm đọc một lượt nữa... sẽ thở dài, lấy chiếc quạt hở chặn tờ giấy bản rồi bảo thày thông :

— Thôi, thầy để giấy má tôi xem.

Công văn gì mà quan thở giài ? thì đây, là nguyên văn :

« Hưng yêu tỉnh, Tiểu phủ sứ kiêm lĩnh Tuần phủ Lê .. sức cho cai viên tri huyện T. L. là Nguyễn mỗ tuần cứ » :

« Vụ thuế tháng năm vừa rồi, hạt T. L. .. làm rối rá, cẩu thả, nên sau khi trình nộp bên toà kho bạc, Quí Công sứ đại thần có giấy tư sang Bản đường biết là trong số bạc thuế có hai tờ giấy giả, rất tinh vi, dũ cũ rách.., việc nhầm nhỡ là trách nhiệm quan địa phương vậy nay nghĩ giáng viên tri huyện Nguyễn mỗ xuống huấn đạo và cải nhậm sang hạt khác. Nay sức. Cho anh Thá năm .. tháng.. ngày...

Mười hôm sau, quan huyện giọn dồ đạc, rồ khởi hành. Cả hạt T. L. đều ngao ngán, ngẩn ngơ, mến tiếc.

Lúc quan huyện (nay là quan Huấn) lên ngựa ra khỏi công nha, gã trẻ nhỏ bé đều đứng hai bên cờ sẵn để tiễn, có người như quá cảm động lấy vạt áo lau nước mắt quan cũng ngậm ngùi đáp lễ.

Trong đám đông, có kẻ tò mò hậm hực lầm bầm

— Chỉ tại cái thằng Bát gì ở tỉnh về hạch sách quan ta không cung đủ ..., nên bị giáng thật là oan cho Ngài !

TIÊN-ĐÀM *thuật*

GIỚI THIỆU

Tri Tân vừa nhận được.

— *KINH THI VIỆT NAM* của *Trường Tửu Hàn Thuyên xuất bản giá 9$50*

— *TRUNG NỮ VƯƠNG* của *Sỹ Tiên Hương Sơn xuất bản giá 3$00.*

— *TÂN ĐÀ VẬN VĂN (I)* của *Ng khắc Hiếu., H. S. xuất bản giá 9$50*

— *ĐÀO CHIM ƯNG* của *Hoàng Thày Hai Hưng xuất bản giá 0$60*

Xin cảm ơn các nhà xuất bản và giới thiệu với các bạn.

T. T

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 17)

Đến những việc lặt vặt, như « năm giáp dần 1074 ban chiếu các công-thần từ tám mươi trở lên được phép đem gậy và giày vào chầu » (*Khâm-định V. s* q. 3 tờ 33 b. « Tháng tư năm 1076, xuống chiếu đại-xá và cấm lời nói tắt » (*Khâm định V. s* q 3 tờ 37 b). « Tháng tám năm 1080, vua xem bơi thuyền thi » (*Khâm-định V. s* q 3 tờ 42 b). « Mùa xuân năm 1091, vua xem bắt voi ở Lang sơn » (*Khâm-định V. s* q 3 tờ 48 a). « Tháng tám năm 1119, Vua ngự điện Linh-quang, xem bơi thuyền thi, ban yến các bề tôi, từ năm ấy trở đi, theo làm lệ thường » (*Khâm-định V. s*, q. 4, tờ 10 a). « Mùa xuân năm nhâm-tuất 1082 gả Khâm-thánh công chúa cho châu mục Vị-long là Hà-di-Khánh » (*Khâm-định V. s* q. 3, tờ 43 a).

Vào khoảng tháng mười hai năm đinh-vị 1127, Vua Nhân-tông thấy trong người không vui (tức mắc bệnh nặng) với thái úy là Lưu Khánh-Đàm, thị-lang là Lê bá Ngọc vào nhận tờ di-chiếu. Ngày đinh mão (15-1-1128) Vua băng ở điện Vĩnh quang, tôn thụy là Hiếu-từ thánh-thần văn-võ hoàng-đế, miếu hiệu là Nhân-tông, làm vua 56 năm, thọ 63 tuổi. Di-chiếu đại-lược rằng : « Trẫm nhớ từ khi nhỏ tuổi mà nối ngôi báu lớn ở trên vương đầu, nghiêm cung kính cẩn, đến nay năm mươi sáu năm tổng linh thiêng hoàng-thiên giúp đỡ, nốn bể được yên, biên thùy không phải lo nghĩ, lúc khết lại được đứng sau các tiên-quân, thế là may lắm. Thái-tử Dương-Hoán, nên theo phép cũ, nối ngôi hoàng đế, cả ngươi là Khánh Đàm và Bá-ngọc nên hết lòng giúp đỡ, để cho thái-tử lên ngôi báu, lại sửa sang binh khí để phòng bị lúc không ngờ, chớ quên lời Trẫm! Còn việc tang thì ba ngày cho trở mặc áo chở bỏ việc khóc thương; táng thì theo vua Hán văn cấm về việc ước, không được xây đắp thành lăng nhưng nên chôn ở bên cạnh Tiên-quân ». (*Khâm-định Việt-sử*, q. 4 tờ 17a b).

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

HẠNH THỤC CA.

(Tiếp theo trang 13)

can, mà vội đem bắt tố, thì không nên, để tiếng về sau mười nghìn năm chê cười. Tôi nay không sợ chết, cúi đầu lên, phát-minh ra lý lẽ để cả triều-đình cùng nghe ». Các quan nghe lời tâu, ai nấy cũng lấy làm kinh - sảng. Nguyễn-văn-Tường và Tôn - thất-Thuyết nghe sốt ruột, mới truyền cho quan dẫn Phan-đình-Phùng vào giam tại ngục. Oai của Tường, Thuyết thật như sấm sét, không ai dám phân trần gì cả. Thế là tất cả triều-đình đều theo đề bái yết tân-quân (tức vua Hiệp-hòa); Đến chính lệnh thì ngông dợi chưa biết thế nào Ông nữ-nhi (tức Dục-đức) mới truyền đem giao đến giảng đường ở tạm, khi ra khi vào phải canh gác giữ gìn. Kia ai đều đang miền vinh, nhờ ơn nước mà được hưởng sự phú quí cho thỏa tình nay mai.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một đoạn chuyện vê...

(Tiếp theo trang 3)

đó có nói về công việc của ban ám sát. Vậy nếu chúng mà tóm được anh bây giờ, chúng phải trạ tấn cho ra về những giấy tờ ấy, anh không gạn được, sợ có lụy đến các anh em, vậy anh tính thế nào?

Kim Phượng ngẩn người, nhìn thẳng vào Học để dò xét rồi nói :

— Vì tôi giữ bộ tuyên truyền ở Tổng bộ năm nay, bổn phận tôi phải giữ những giấy tờ ấy, thế rồi chẳng may gặp khi chúng khám soát thì chúng vớ được, cũng không phải là lỗi tại tôi.

Học cười :

— Không có ai đổ lỗi cho anh đâu! Tôi bỏi anh như thế, chỉ cốt để bảo anh điều này anh phải đi Tàu

Kim Phượng bỡng theo nét mặt

— Đi Tàu! À, sự đó tôi rất bằng lòng.

Ngừng một lát ; Kim Phượng lại nói .

— Tôi tưởng anh bảo tôi phải làm cái gì còn lạ hơn đi Tàu.

Bấy giờ Học đương trầm ngâm suy nghĩ điều gì nên không để ý câu nói của Kim Phượng, rồi Học nói :

— Được, anh bằng lòng thì tốt lắm, tôi bảo đón anh tới đây, mục đích để đưa anh sang Tàu. Bên ấy sẵn có đảng cách mệnh của ta, anh sang làm việc ở bên ấy.

(*còn nữa*)

NGÔ-VĂN-HIỆN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaumire